

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản số: 01/2025/HS-ST

Ngày 09 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Quang

Ông Vũ Văn Tu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị L, sinh năm 1996, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị N; có chồng Đinh Văn K; có 04 con, con bé nhất sinh ngày 13/02/2024. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/11/2023 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị L theo chỉ định: Ông Nguyễn Quốc V - Luật sư Công ty TNHH K2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N(có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị L theo yêu cầu: Ông Nguyễn Đức H - Luật sư văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh N(có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Đào Văn X, sinh năm 1988 và chị Đinh Thị L1, sinh năm 1995; nơi cư trú: xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình(có mặt).

2. Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1996 và anh Đinh Văn H1; nơi cư trú: xóm I, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình(có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997; nơi cư trú: xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình(có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; nơi cư trú: xóm F xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2021, Phạm Thị L, sinh năm 1996, trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình thỏa thuận mua của bà Trần Thị N1, sinh năm 1962, ở tại xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình một phần thửa đất bà N1 đang ở thửa số 85, tờ bản đồ số 31, diện tích 1674,5m² (gồm 410m² đất thổ cư, còn lại là đất ao vườn), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất) số 893 do UBND huyện Y cấp ngày 10/01/1997 mang tên ông Lê Văn H3 (là chồng bà N1 đã chết năm 2019). Ngày 19/12/2021 L ký 01 giấy đặt cọc mua của bà N1 12m (ngang) x 40m (dài) với giá 70.000.000 đồng/01m ngang, tổng là 840.000.000 đồng, dự định chia làm 02 lô để bán lại. L đã đặt cọc cho bà N1 100.000.000 đồng và thỏa thuận trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày đặt cọc, bà N1 phải làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên cho L và L có nghĩa vụ trả đủ số tiền còn lại. Một thời gian sau, L thỏa thuận với bà N1 mua thêm 03m ngang, tổng diện tích 15m x 40 m mục đích chia làm 03 lô để bán lại, bà N1 tăng giá bán 03m này lên 100.000.000 đồng/m, L đồng ý và viết thêm 01 “Giấy đặt cọc” cùng với nội dung như giấy đặt cọc trước, cùng đề ngày 19/12/2021 nhưng phần diện tích đất mua là 15mx40m, giá tiền phải trả là 1.140.000.000 đồng, số tiền đặt cọc vẫn là 100.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận mua đất và đặt cọc cho bà N1, L đã nhận tiền đặt cọc để bán lại cho nhiều người sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền đặt cọc của họ cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vợ chồng anh Đào Văn X, sinh năm 1988, chị Đinh Thị L1, sinh năm 1995, trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là người cùng xóm với L. Năm 2021, L vay của vợ chồng anh X, chị L1 số tiền 350.000.000 đồng. Đầu năm 2022, khi vợ chồng anh X yêu cầu trả nợ thì L nói với vợ chồng anh X về việc L đã thỏa thuận mua đất của bà N1, vợ chồng anh X, chị L1 có nhu cầu mua thì L sẽ bán lại 01 lô đất diện tích 05m x 40m với giá 370.000.000 đồng. Sau khi được L dẫn đi xem đất thực tế và gặp bà N1 hỏi về việc có thỏa thuận bán đất cho L, vợ chồng anh X, chị L1 đã đồng ý mua lại 01 lô đất để đổi trừ vào số tiền mà L đang nợ. Ngày 10/2/2022, L hỏi vay anh X số tiền 20.000.000 đồng và nói sau này sẽ cộng dồn vào số tiền 350.000.000 đồng để đủ tiền mua đất nên chị L1 đã chuyển cho L 20.000.000 đồng. Ngày 20/3/2022, do đợi lâu không thấy L hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ, vợ chồng anh X đã cùng L ký 01 “Hợp đồng đặt cọc” hẹn đến ngày 20/4/2022, L sẽ giao giấy CNQSD đất và hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền.

Vụ thứ 2: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1996, trú tại xóm I, xã K, huyện Y làm nghề chăm sóc tóc. Trong thời gian giữa tháng 4/2022, L đến nhà chị Y làm tóc, nói về việc L mua đất của bà N1, có 03 lô, mỗi lô diện tích 05m x 40m, đang làm thủ tục sang tên, tách thửa để chuyển nhượng. Nếu chị Y có nhu cầu mua thì L sẽ bán lại cho 01 lô với giá 400.000.000 đồng. Sau đó, L nhiều lần dẫn chị Y và chồng là anh Đinh Văn H1 đến xem đất thực tế. Lệ khoe đang nhờ chị Phạm Thị Thu H4 (Chồng là C) ở xóm H xã K làm thủ tục, hứa từ 10 đến 15 ngày sẽ

có giấy CNQSD đất để hoàn tất việc chuyển nhượng nên vợ chồng anh H1, chị Y đã đồng ý mua 01 lô. Ngày 21/4/2022, L và vợ chồng anh H1 đã ký 01 “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất” mua 01 lô đất với giá 400.000.000 đồng, anh H1 đặt cọc cho L tổng số tiền 320.000.000 đồng, hạn 15 ngày kể từ ngày đặt cọc thì sẽ bàn giao giấy CNQSD đất để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền.

Vụ thứ 3:

Trong tháng 04/2022, chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997, trú tại xóm H, xã K, huyện Y qua mạng xã hội Zalo biết chị H4 (Chồng là C) đăng tin rao bán 01 lô đất có diện tích 05m x 40m, địa chỉ tại xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Khi chị H2 hỏi mua thì chị H4 nói đã bán lại cho L rồi và cho số điện thoại của L để chị H2 liên hệ. Đồng thời, chị H2 thấy trên mạng xã hội FaceBook có tài khoản “Khanh Le” của chị L cũng đăng tin rao bán thửa đất nên chị H2 rủ bạn là chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1983, trú tại xóm 1, V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đi cùng đến gặp L để thỏa thuận mua 01 lô. L đã nhiều lần dẫn chị H2 đi xem đất thực tế và cũng nói về việc đang đặt cọc, thỏa thuận mua đất với bà N1, đang làm thủ tục tách thửa để chuyển nhượng. Chị H2 đồng ý mua 01 lô với giá 460.000.000 đồng. Ngày 24/4/2022, chị H2 sử dụng số tài khoản 19033419981016 của mình mở tại Ngân hàng TMCP K3 (T2) chuyển khoản đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng đến số tài khoản 48810000554636 của Phạm Thị Lê M tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B), sau khi nhận đặt cọc, L hẹn đến ngày 24/5/2022, sẽ bàn giao giấy CNQSD đất, ký hợp đồng chuyển nhượng, chị H2 thanh toán đủ số tiền còn lại. Sau này, chị H2 được L giảm giá bán thửa đất xuống còn 430.000.000 đồng. Ngày 29/4/2022, chị H2 đặt cọc thêm 100.000.000 đồng, ngày 02/5/2022 và ngày 5/5/2022 chị H2 chuyển khoản tiếp, đặt cọc thêm 150.000.000 đồng, tổng số tiền chị H2 đã đặt cọc cho L là 300.000.000 đồng. Mỗi lần đặt cọc, chị H2 và L đều ký Hợp đồng đặt cọc mới và điều chỉnh số tiền cọc tương ứng với số tiền mà chị H2 đưa và chuyển khoản. L và chị H2 thỏa thuận sau 01 tháng sẽ có giấy CNQSD đất để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng.

Sau khi nhận tiền đặt cọc của những người mua đất, L không hoàn tất thủ tục chuyển nhượng mảnh đất nêu trên với bà N1 như đã thỏa thuận. Do vậy, đến thời hạn bàn giao giấy CNQSD đất để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng với anh X, anh H1, chị H2 nhưng Phạm Thị L không có giấy CNQSD đất, không hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng được như thỏa thuận trong các Hợp đồng đặt cọc đã ký kết. Anh X, anh H1, chị H2 yêu cầu L trả lại tiền cọc. Ngày 04/06/2022, L thỏa thuận với anh X, anh H1, chị H2 cho thêm thời gian để làm giấy CNQSD đất. Nếu không thực hiện được, L sẽ trả lại tiền đặt cọc và chịu phạt theo hợp đồng. Đến đầu tháng 07/2022, L vẫn không đến gặp bà N1 để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không có giấy CNQSD đất. Khi vợ chồng anh X, vợ chồng anh H1 và chị H2 nhiều lần đòi tiền, L không trả tiền cọc, không chịu phạt cọc theo thỏa thuận, lấy nhiều lý do để kéo dài thời gian trả tiền cọc.

Để chiếm đoạt tiền đặt cọc, L nảy sinh ý định làm giả các xác nhận giao dịch chuyển khoản qua InternetBanking trả lại tiền cọc gửi cho những người đã đặt cọc, L đã tự chụp lại hình ảnh xác nhận giao dịch trên hệ thống InternetBanking của các ngân hàng mà L chuyển khoản trước đó. Sau đó sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh trên điện thoại, sửa tên người nhận, số tài khoản người nhận, số tiền chuyển khoản, nội dung chuyển khoản trong các ảnh đã chụp và gửi lại cho chị L1, chị Y, chị H2 Ngày 05/7/2022, L làm giả hình ảnh giao dịch chuyển tiền thể hiện việc L đã giao dịch thành công, chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của chị L1 (vợ anh X) trả số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 07/7/2022, L làm giả hình ảnh giao dịch chuyển tiền thành công, đến tài khoản ngân hàng của anh H1 trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 11/7/2022, L làm giả hình ảnh giao dịch chuyển khoản thành công, chuyển khoản trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận được các hình ảnh giao dịch chuyển tiền do L gửi, vợ chồng anh X, chị L1, vợ chồng anh H1, chị Y và chị H2 kiểm tra tài khoản ngân hàng của mình không nhận được tiền, thông báo lại cho L thì L nói dối đã chuyển khoản trả rồi nhưng do ngân hàng bị lỗi, bị nghẽn mạng tiền sẽ về tài khoản sau, Do đợi lâu không thấy L trả tiền cọc, nên anh H1, chị H2, anh X nhiều lần nhắn tin, gọi điện, gặp L để yêu cầu L trả tiền nhưng L vẫn lấy lý do đã chuyển khoản trả tiền rồi. Khi chị H2 nhắn tin nói sẽ tố cáo, L nhắn tin trả lời “*Cứ việc kiện có phải tao chưa chuyển đâu mà sợ*” Do L nhiều lần lấy lý do trì hoãn, trốn tránh việc trả lại tiền đặt cọc, anh H1, chị H2, anh X đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra xác định thời điểm đến hạn L phải có nghĩa vụ trả lại tiền theo các hợp đồng đặt cọc nêu trên, L vẫn sử dụng các Tài khoản 48810000554636 mở tại Ngân hàng B, Tài khoản 3306205062322 mở tại ngân hàng A và Tài khoản 242468953 mở tại ngân hàng V1, từ ngày 1/7/2022 đến ngày 20/7/2022 giao dịch số tiền là 2.374.786.858 đồng, nhưng L không trả lại tiền đặt cọc cho anh X, anh H1 và chị H2

Cơ quan Điều tra đã tiến hành sao kê lịch sử giao dịch ngân hàng của L xác định số tiền đặt cọc mà chị H2 chuyển khoản cho L, L đã chuyển luôn đến 6 tài khoản cá nhân khác với nội dung chuyển khoản “NHATMINH2S, KHANH678A” đây là 2 tên đăng nhập đăng ký trên Website <http://kubet.icu> đăng ký bởi số điện thoại 0911090616 đăng ký thông tin chính chủ mang tên anh Đinh Văn K (là chồng của L) nhưng L là người sử dụng số điện thoại này.

Quá trình xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y xác định: Ngày 16/5/2022, bà Trần Thị N1 cùng các con thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, bà Trần Thị N1 được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với đất, tài sản trên đất đối với thửa đất trên. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y tiếp nhận hồ sơ đề nghị sang tên đổi chủ thửa đất từ ông Lê Văn H3 sang cho bà Trần Thị N1. Ngày 24/2/2023, bà Trần Thị N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Tuy nhiên suốt quá trình hoàn tất thủ tục sang tên đổi chủ quyền sử dụng thửa đất trên chị Phạm Thị L không gặp

bà N1 để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, số tiền Lệ nhận cọc của anh Đào Văn X, anh Đinh Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2, L đã sử dụng hết.

Quá trình điều tra, Phạm Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

*** Vật chứng, tài liệu thu giữ:**

Quá trình Điều tra Phạm Thị L và bà Trần Thị N1 tự nguyện giao nộp: 02 “Giấy đặt cọc tiền đất” đều đề ngày 19/12/2021 giữa bên bán bà Trần Thị N1, bên mua là Phạm Thị Lệ . Những người liên quan đến việc giao dịch đặt cọc mua bán mảnh đất nêu trên đối với Phạm Thị L cung cấp 11 Hợp đồng đặt cọc và 02 tệp tin hình ảnh cụ thể:

- Anh Tô Văn Q, sinh năm 1975 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tự nguyện cung cấp: 01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 25/4/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Tô Văn Q. Tài sản đặt cọc: Diện tích 200m² đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 460.000.000 đồng, đặt cọc: 30.000.000 đồng

- Anh Đào Văn X tự nguyện cung cấp:

+ 01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/3/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Đào Văn X. Tài sản đặt cọc: Diện tích 5x40=200m² đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 370.000.000 đồng, đặt cọc: 370.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: Từ ngày 20/3/2022 đến 20/ /2022 (không ghi tháng). Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 1.110.000.000 đồng.

+ 01 (một) "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 22/6/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Đào Văn X. Tài sản đặt cọc: Diện tích 121m² đất tại thửa đất 115, tờ bản đồ 18 thuộc xóm E, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Chị Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1986 cùng trú tại xóm E, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tự nguyện cung cấp:

+ 01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 21/12/2021 gồm có 03 trang (Bản chính). Bên đặt cọc (Bên A): Nguyễn Đức C, sinh năm 1982 và Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1986 cùng trú tại xóm H, xã K. Bên nhận đặt cọc (Bên B): Phạm Thị Lệ .Tài sản đặt cọc: Diện tích 15x40m đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: Không ghi, đặt cọc: 200.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc : Không ghi.

+ 01 "Hợp đồng đặt cọc và nhận nợ" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/4/2022 gồm có 02 trang (Bản chính). Bên nhận đặt cọc: Nguyễn Đức C1 Phạm Thị Thu H4. Bên đặt cọc và nhận nợ: Phạm Thị Lệ . Tài sản đặt cọc: Mảnh đất tờ bản đồ số 31, thửa 85 của ông H3 và bà Trần Thị N1. Giá thỏa thuận: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), đặt cọc: 80.000.000

đồng (trong đó có 30.000.000 đồng đã nhận cọc 01 lô giáp cụm tre của cô T1 – K). Thời hạn đặt cọc – thanh toán: Khi bìa đỏ tên bà Trần Thị N1 thì bên đặt cọc và nhận nợ phải hoàn trả số tiền 320.000.000 đồng .

+ 01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/4/2022 gồm có 02 trang (Bản chính). Bên nhận đặt cọc (Bên bán bên A): Nguyễn Đức C và Phạm Thị Thu H4. Bên đặt cọc (Bên mua bên B): Phạm Thị Lệ . Tài sản đặt cọc: Thửa đất 85, tờ bản đồ 31. Giá thỏa thuận: Không ghi, đặt cọc: 80.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng cọc 1 lô đất chị T1). Thời hạn đặt cọc – thanh toán: Khi bìa đỏ và chồng tiền đất bà Trần Thị N1. Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng .

+ 01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 02/4/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Ngô Thị T1, sinh năm 1994 trú tại thôn A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tài sản đặt cọc: Diện tích 5x40m có 80m² thổ cư (lô phía bờ tre) thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), đặt cọc: 35.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: 30 ngày, từ ngày 02/4/2022 đến 02/5/2022. Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 70.000.000 đồng .

- Anh Đinh Văn H1 tự nguyện giao nộp:

01 "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 21/4/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Đinh Văn K, sinh năm 1996 và Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Đinh Văn H1. Tài sản đặt cọc: Diện tích 5mx40m thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 400.000.000 đồng, đặt cọc: 320.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: 15 ngày, từ ngày 21/4/2022 đến 06/5/2022. Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 640.000.000 đồng .

- Chị Nguyễn Thị H2 tự nguyện cung cấp:

+ 01 (một) "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/4/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2. Tài sản đặt cọc: Diện tích 200m² đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 460.000.000 đồng, đặt cọc: 50.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: 30 ngày, từ ngày 24/4/2022 đến 24/4/2022. Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng .

+ 01 (một) "Hợp đồng đặt cọc" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 29/4/2022 (Bản chính). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2. Giá thỏa thuận: 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng), đặt cọc: 150.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: 30 ngày, từ ngày 29/4/2022 đến 29/5/2022. Cam kết: Quá thời

hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 300.000.000 đồng .

+ 01 (một) "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 29/4/2022 (*Bản chính*). Bên bán (Bên A): Phạm Thị Lệ . Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2. Tài sản đặt cọc: Diện tích 200m² đất tại thửa đất 85, tờ bản đồ 31 thuộc xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Giá thỏa thuận: 430.000.000 đồng, đặt cọc: 300.000.000 đồng. Thời hạn đặt cọc – thanh toán: 30 ngày, từ ngày 29/4/2022 đến 29/5/2022. Cam kết: Quá thời hạn thỏa thuận không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc bên bán phải bồi thường số tiền 600.000.000 đồng.

+ 01 tệp tin hình ảnh có tên là: "z4064143057727_37e6b7ca0a811390b9ba287396118ea5", định dạng: "jpg", dung lượng: 59,7 KB (*Hình ảnh chuyển khoản trả 300.000.000 đồng tiền cọc mà chị Phạm Thị L gửi cho chị Nguyễn Thị H2 vào ngày 11/7/2022*).

- *Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1996 trú tại xóm I, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tự nguyện cung cấp: 01 tệp tin hình ảnh có tên là: "z4064143051903_adac5a7c4aad8084dd55b4cdeedc186", định dạng: "jpg", dung lượng: 68,9KB (Hình ảnh chuyển khoản trả 200.000.000 đồng tiền cọc mà chị Phạm Thị L gửi cho anh Đinh Văn H1 vào ngày 07/7/2022).*

Ngày 03/02/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y trưng cầu Phòng K4, Công an tỉnh N giám định tài liệu, đường vân đối với giấy tờ, hợp đồng đặt cọc có liên quan về việc thỏa thuận mua bán đất.

Tại Kết luận giám định số: 304/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phòng K4, Công an tỉnh N kết luận:

- Các mẫu vân tay màu đỏ in tại vị trí chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Phạm Thị L dưới mục "*ĐẠI DIỆN BÊN A*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 25/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Tô Văn Q, sinh năm 1975 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và dưới mục "*ĐẠI DIỆN BÊN A*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 22/6/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Đào Văn X, sinh năm 1988 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình không đủ yếu tố giám định.

- Các mẫu vân tay màu đỏ in tại vị trí chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Phạm Thị L dưới mục "*ĐẠI DIỆN BÊN A*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/3/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Đào Văn X, sinh năm 1988 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 29/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh

Ninh Bình tương ứng với mẫu vân trong ô "Cái phải" trên chỉ bản số 164580166 mang tên Phạm Thị L, sinh ngày 05/5/1996, nơi thường trú: Khánh Thủy, Y, Ninh Bình là của cùng một người.

- Mẫu dấu vân tay màu đỏ in tại vị trí chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Phạm Thị L dưới mục "(BÊN A) BÊN BÁN" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình tương ứng với mẫu vân trong ô "Cái trái" trên chỉ bản số 164580166 mang tên Phạm Thị L, sinh ngày 05/5/1996, nơi thường trú: Khánh Thủy, Y, Ninh Bình là của cùng một người.

- 02 mẫu vân tay màu đỏ in tại vị trí chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Phạm Thị L dưới mục "*ĐẠI DIỆN BÊN A*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 7/6/2022. Bên bán (Bên A): Đinh Văn K, sinh năm 1996 và Phạm Thị L, sinh năm 1996 cùng trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Hồng P, sinh năm 1983 trú tại xóm G, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình tương ứng với mẫu vân trong ô "Cái phải" và "Cái trái" trên chỉ bản số 164580166 mang tên Phạm Thị L, sinh ngày 05/5/1996, nơi thường trú: Khánh Thủy, Y, Ninh Bình là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số: 305/KL-KTHS ngày 08/3/2023 của Phòng K4, Công an tỉnh N kết luận:

Chữ "Lê, Phạm Thị L" dưới mục "Người mua" trên "*Giấy đặt cọc tiền đất*" đề ngày 19/12/2022. Người bán: Trần Thị N1, sinh năm 1962 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Người mua: Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và "*Giấy đặt cọc đất*" đề ngày 19/2/2021. Bên bán: Trần Thị N1, sinh năm 1962 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua: Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; dưới mục: "*ĐẠI DIỆN BÊN A*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 25/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Tô Văn Q, sinh năm 1975 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/3/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Đào Văn X, sinh năm 1988 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 22/6/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Đào Văn X, sinh năm 1988 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 02/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Ngô Thị T1, sinh năm 1994 trú tại thôn A, xã K,

huyện Y, tỉnh Ninh Bình, 02 "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 29/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 7/6/2022. Bên bán (Bên A): Đinh Văn K, sinh năm 1996 và Phạm Thị L, sinh năm 1996 cùng trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Hồng P, sinh năm 1983 trú tại xóm G, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; dưới mục "*Bên đặt cọc và nhận nợ*" và chữ "*Lệ*" tại cuối trang 1 trên "*Hợp đồng đặt cọc và nhận nợ*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/4/2022 gồm có 02 trang. Bên nhận đặt cọc: Nguyễn Đức C, sinh năm 1982 và Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1986 cùng trú tại xóm E, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên đặt cọc và nhận nợ: Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; dưới mục "*ĐẠI DIỆN BÊN B*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 25/4/2022 gồm có 02 trang. Bên nhận đặt cọc (Bên bán bên A): Nguyễn Đức C và Phạm Thị Thu H4 cùng trú tại xóm E, xã K. Bên đặt cọc (Bên mua bên B): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; dưới mục "*Bên nhận đặt cọc*", chữ "*Lệ*" bằng mực xanh tại trang 1 trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 21/12/2021 gồm có 03 trang. Bên đặt cọc (Bên A): Nguyễn Đức C, sinh năm 1982 và Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1986 cùng trú tại xóm H, xã K. Bên nhận đặt cọc (Bên B): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; dưới mục "*(BÊN A) BÊN BÁN*" trên "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 21/4/2022. Bên bán (Bên A): Đinh Văn K, sinh năm 1996 và Phạm Thị L, sinh năm 1996 cùng trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Đinh Văn H1, sinh năm 1992 trú tại xóm I, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và "*Hợp đồng đặt cọc*" về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 24/4/2022. Bên bán (Bên A): Phạm Thị L, sinh năm 1996 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bên mua (Bên B): Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị L trên 03 (ba) "*Bản tự khai/Bản tường trình*" được viết bằng mực màu xanh trên mẫu in sẵn, đề các ngày 18/10/2022 (02 bản); 13/01/2023 do Phạm Thị Lệ K1, viết ra là do cùng một người ký, viết ra.

- Ngày 06/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra Quyết định trưng cầu giám định số 13/QĐ-CQĐT trưng cầu V2 - Bộ C2 giám định Kỹ thuật số điện tử đối với 02 tệp tin hình ảnh giao dịch chuyển tiền mà Phạm Thị L đã gửi cho chị Phạm Thị H6 và chị Phạm Thị Y.

- Kết luận giám định số 711/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của V2 Bộ C2 kết luận:

+ Phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa một số nội dung (tại một số vị trí): "19036696408012", "DINH VAN HAO", "200.000.000đ", "Hai Trăm Triệu

Trần”, “tra tiencoc” trong file ảnh: “z4064143051903-adac5a7c4aadcd8084dd55b4cdeedc186”, định dạng: “jpg”, dung lượng: 68,9 KB. Đây là ảnh mà L gửi cho chị Phạm Thị Y.

+ Phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa một số nội dung (tại một số vị trí): “0832320216”, “NGUYEN THI HIEN”, “300.000.000 VND” trong file ảnh: “z4064143057727_37e6b7ca0a811390b9ba287396118ea5”, định dạng: “jpg”, dung lượng: “59,7Kb”. Đây là ảnh mà L gửi cho chị Phạm Thị H6.

- Ngày 23/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra Quyết định trưng cầu giám định số 929/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu V2 - Bộ C2 giám định Kỹ thuật số điện tử đối với tệp tin hình ảnh giao dịch chuyển tiền mà Phạm Thị L đã gửi cho chị Đinh Thị L1.

- Kết luận giám định số 6439/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của V2 Bộ C2 kết luận:

+ Phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa một số nội dung (tại một số vị trí): “959595686868”, “DINH THI LINH”, “100.000.000đ”, “Một Trăm Triệu Đồng” trong file ảnh: “z4778926283658_232703ab893b0c4b0d87758ac5508a309”, định dạng: “jpg”, dung lượng: 153 KB. Đây là ảnh Lê gửi cho chị Đinh Thị L1.

Ngân hàng thương mại cổ phần V3 (V1) cung cấp: Ngày 07/7/2022, không có giao dịch chuyển số tiền 200.000.000 đồng từ số tài khoản: 242468953 của chị Phạm Thị L đến số tài khoản: 19036696408012 của anh Đinh Văn H1 mở tại Ngân hàng TMCP K3 (T2). Ngân hàng N2 (A) cung cấp: Ngày 11/7/2022, không có giao dịch chuyển số tiền 300.000.000 đồng từ số tài khoản: 3306205062322 của chị Phạm Thị L đến số tài khoản: 0832320216 của chị Nguyễn Thị H2 mở tại Ngân hàng TMCP K3 (T2).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Trong quá trình Điều tra các bị hại: anh Đào Văn X, anh Đinh Văn H1 và chị Nguyễn Thị H2 có yêu cầu Phạm Thị L hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã đặt cọc mà L đã chiếm đoạt. Hiện Phạm Thị L chưa thực hiện hoàn trả phần tiền cọc nào cho các bị hại.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSNNB-P2 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Phạm Thị L về tội “*Lạm dụng chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4, khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Do bị cáo đang nuôi con nhỏ nghề nghiệp không ổn định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Phạm Thị Lê.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho anh Đào Văn X và chị Đinh Thị L1 số tiền 370.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho chị Phạm Thị Y và anh Đinh Văn H1 số tiền 320.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 300.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Phạm Thị L đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với tội danh và điều luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ; đã nộp 30 triệu đồng khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo yên tâm chấp hành hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các bản kết luận giám định: Số 304/KL- KTHS ngày 08/03/2023 và Số 305/KL- KTHS ngày 08/03/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh N; Kết luận giám định số 711/KL-KTHS ngày 27/03/2023 của V2 Bộ C2; Kết luận giám định số 6439/KL-KTHS ngày 25/9/2024 của V2 Bộ C2; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022, Phạm Thị L đã thỏa thuận và ký Hợp đồng đặt cọc mua của bà Trần Thị N1 một phần thửa đất gia đình bà N1 đang ở tại xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Sau đó L đã phân thành 03 lô đất (Kích thước 5mx40m) đồng thời rao bán cho người khác kiếm lời. Ngày 20/03/2022 L đã ký Hợp Đồng đặt cọc và nhận của vợ chồng anh Đào Văn X và chị Đinh Thị L1 370.000.000 đồng. Ngày 21/4/2022 L đã ký Hợp đồng đặt cọc và nhận của vợ chồng anh Đinh Văn H1 và chị Phạm Thị Y 320.000.000 đồng. Khoảng thời gian cuối tháng 4 đầu tháng 5 năm 2022 L ký Hợp đồng đặt cọc và nhận của chị Nguyễn Thị H2 300.000.000 đồng, Tổng số tiền đặt cọc L đã nhận là 990.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc, L không hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng đất từ bà N1 và phân lô chuyển nhượng sang tên cho những người đã đặt cọc, khi người mua đòi lại tiền

đặt cọc mặc dù trong tài khoản ngân hàng L có số tiền lớn đủ khả năng trả lại tiền nhưng L đã chỉnh sửa cắt ghép ảnh trên điện thoại, làm giả ảnh xác nhận giao dịch chuyển tiền đặt cọc để trì hoãn và không trả lại tiền cọc cho người bị hại, nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Hành vi nêu trên của Phạm Thị L đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

1. *Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) *Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;*

b) *Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.*

2.

3. ...

4. *Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân; tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, **là phụ nữ có thai, hiện tại bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi**; bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng (một phần nhỏ) để khắc phục hậu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Phạm Thị L đã 03 lần thực hiện tội phạm “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do vậy bị cáo Phạm Thị L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi con nhỏ, hiện không còn tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Phạm Thị L phải trả lại cho các bị hại cụ thể như sau:

- Anh Đào Văn X và chị Đinh Thị L1 số tiền 370.000.000 đồng.
- Chị Phạm Thị Y và anh Đinh Văn H1 số tiền 320.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị H2 số tiền 300.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Phạm Thị L đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

[4] Các tình tiết khác liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi làm giả các hình ảnh xác nhận giao dịch chuyển tiền trả tiền cọc cho các bị hại: Quá trình điều tra xác định L đã thực hiện hành vi tự chụp lại, tự chỉnh sửa hình ảnh trên máy điện thoại, không phải là tài liệu do cơ quan tổ chức phát hành, do ngân hàng nào phát hành, không có chữ ký của người có thẩm quyền, không có hình dấu của ngân hàng. Do vậy, hành vi trên chỉ là thủ đoạn gian dối để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, không cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại Điều 341, Bộ luật Hình sự.

- Quá trình điều tra xác định từ 1/1/2021 đến tháng 10/2022 Phạm Thị L đã nhiều lần nộp tiền vào 03 Tài khoản ngân hàng của mình, từ đó thực hiện rất nhiều giao dịch với các tài khoản khác nhau đều cùng nội dung chuyển khoản “KHANH678A” và “NHATMINH2S” với tổng số tiền trên 10 tỷ đồng (trong đó có cả tiền nhận chuyển khoản 200 triệu của chị Nguyễn Thị H2), đây là 02 tên đăng nhập vào Website <http://kubet.icu> là trang mạng cá cược, game bài casino có thể nạp tiền, rút tiền qua tài khoản ngân hàng, Trung tâm I có Công văn số 87/VNNIC xác định Website <http://kubet.icu> động dưới tên M, đăng ký trực tiếp với tổ chức quốc tế ở nước ngoài, sử dụng dịch vụ ẩn giấu thông tin. 02 tên “KHANH678A” và “NHATMINH2S” được đăng ký bởi số điện thoại 0911090616 đăng ký thông tin chính chủ mang tên anh Đinh Văn K, sinh năm 1996 (là chồng của L) nhưng L là người sử dụng số điện thoại này. Quá trình điều tra, L khai không nhớ các giao dịch chuyển khoản, không đăng ký tài khoản trên Website trên, mặt khác Cơ quan điều tra không thu được thiết bị điện tử chứng minh lịch sử đăng nhập, giao dịch của 02 tài khoản “KHANH678A” và “NHATMINH2S” nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

- Ngoài những người mà L đã chiếm đoạt tiền đặt cọc nêu trên, sau khi có thỏa thuận mua mảnh đất của bà Trần Thị N1, Phạm Thị L đã thực hiện giao dịch, nhận tiền đặt cọc mua bán quyền sử dụng đất đối với vợ chồng anh Nguyễn

Đức C, sinh năm 1982, chị Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1986, cùng trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Anh C gọi bố chồng L là cậu). Ngày 20/12/2021, L đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSDĐ và nhận đặt cọc của vợ chồng anh C, chị Hằng số tiền 200.000.000 đồng, sau đó vợ chồng anh C, chị H4 lại bán lại cho L, thỏa thuận: ngoài số tiền cọc phải trả, L trả thêm 200.000.000 đồng tiền hoa hồng. Sau khi không chuyển nhượng được thửa đất, L và vợ chồng C (H4) đã thỏa thuận xác định nợ dân sự với nhau. Phạm Thị L cũng đã ký Hợp đồng đặt cọc và nhận của anh Tô Văn Q, sinh năm 1975, trú tại xóm H, xã K, huyện Y số tiền 30 triệu đồng để chuyển nhượng 1 phần đất của bà N1, nhưng sau đó L đã trả lại đã trả lại cho anh Q số tiền cọc, các bên không có ý kiến đề nghị gì với cơ quan điều tra. Do vậy các giao dịch trên là quan hệ dân sự không có dấu hiệu tội phạm theo quy định của bộ luật hình sự.

- Đối với các giao dịch, Phạm Thị L đã vay vợ chồng anh X chị L1 50.000.000 đồng để đặt cọc với vợ chồng anh C, chị H4, tháng 6/2022, vợ chồng anh X, chị L1 cho L vay thêm 400.000.000 đồng, L hứa giới thiệu nhiều thửa đất để vợ chồng anh X mua nhưng không giao dịch thành công. Đến cuối tháng 6/2022, L tiếp tục giới thiệu cho vợ chồng anh X, chị L1 mua thửa đất số 115, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại xóm E, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình mang tên chủ sở hữu là anh Phạm Văn Q1, sinh năm 1990, trú tại xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình mà L đã đặt cọc mua của anh Q1. Ngày 22/6/2022, L và vợ chồng anh X đã ký “Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài gắn liền với đất” với nội dung vợ chồng anh X đồng ý mua thửa đất trên với giá 800.000.000 đồng, đặt cọc cho L 400.000.000 đồng, hẹn đến ngày 22/7/2022 hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, ngày 27/6/2022, L đã giới thiệu và bán lô đất đặt cọc mua của anh Q1 cho anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1983, trú tại xóm G, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình với giá 865.000.000 đồng. Sau khi biết việc L đã môi giới bán thửa đất trên cho người khác, vợ chồng anh X yêu cầu L trả tiền. Sau khi tìm hiểu thì thửa đất này lúc đó thế chấp Ngân hàng V4 Chi nhánh Ý, không thống nhất được giá bán nên vợ chồng anh X, chị L1 không đồng ý mua. Sau này, L vay thêm vợ chồng anh X, chị L1 73.500.000 đồng. Hiện nay, vợ chồng anh X chị L1 khai tổng số tiền L nợ là 523.500.000 đồng. Đây là quan hệ giao dịch dân sự, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với anh Đinh Văn K sinh năm 1996, trú tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình – chồng bị can Phạm thi L2: Anh K biết Phạm Thị L đặt cọc tiền mua đất của bà N1 sau đó bán lại cho chị H2, vợ chồng anh H1, chị Y và vợ chồng anh X, chị L1. Anh K đã đi cùng L nhận tiền trực tiếp của vợ chồng anh H1, chị Y, cùng L dẫn những người đặt cọc đất đi xem đất thực tế. Sau khi nhận tiền của vợ chồng anh H1 chị Y, anh K đã chuyển lại toàn bộ cho L. Tuy nhiên Kết quả điều tra xác định: Anh K không biết L sử dụng tiền cọc đã nhận của các cá nhân trên như thế nào. Anh K cũng không biết L làm giả các hình ảnh chuyển tiền gửi cho chị H2, chị Y, chị L1. L không bàn bạc, thống nhất với anh K khi

sử dụng và chiếm đoạt số tiền đặt cọc của các bị hại. Do đó, không có căn cứ truy cứu trách nhiệm đồng phạm với bị can L.

[5] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho anh Đào Văn X và chị Đinh Thị L1 số tiền 370.000.000 (*Ba trăm bảy mươi triệu*) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho chị Phạm Thị Y và anh Đinh Văn H1 số tiền 320.000.000 (*Ba trăm hai mươi triệu*) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Thị L trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.

Ghi nhận bị cáo Phạm Thị L đã nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả theo Biên lai số 0000132 ngày 08/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả hết số tiền phải thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 41.700.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC01 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (01 bản);
 - Người có QLNVLQ;
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hiệp

